TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST.
Ngày : 24/7/2020.
V/v: " Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Mến.
Ông Nguyễn Hồng Tý.
Thư ký phiên tòa: bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Lệ Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 144/2019/TLST – DS ngày 29/12/2019, về việc: " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày: 18/6/2020.

Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2020/QĐST-DS ngày: 08/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NHN, sinh năm: 1994 – (Có mặt).
HKTT: tổ 8, ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Thạch Hoàng Phi, sinh năm: 1991 – (Vắng mặt).
HKTT: tổ 4, ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
NTT, sinh năm:1961 – (Có mặt).
HKTT: tổ 8, ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Người làm chứng:
NTV, sinh năm: 1968 – (Vắng mặt).
HKTT: tổ 8, ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2019, bản khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh NHN trình bày: Vào ngày 28/6/2016 anh N có mua của anh P chiếc xe máy hiệu EXCITER biển số 72G1 352-73 với giá 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu). Thực chất việc mua bán là do bà NTT mẹ của anh N đứng ra giao dịch và trả tiền, tiền mua

xe cũng là tiền của bà T. Phía anh P đã giao xe cho anh N, bà T cũng đã trả tiền cho anh P. Tuy nhiên, sau đó việc làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật không được. Vì vậy, bà T thoả thuận với anh P là anh N trả xe lại cho anh P, còn anh P trả lại cho bà T số tiền mua xe là 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu). Việc thoả thuận này hai bên có làm giấy tay với nhau, nhưng sau đó anh P chỉ trả cho bà T được 500.000Đ (Năm trăm ngàn), còn lại 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn) thì không trả.

Tại Toà án anh N yêu cầu anh P phải trả cho bà T 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên toà hôm nay anh N có ý kiến: Yêu cầu anh P phải trả cho anh N 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn), không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTT trình bày: Bà T là mẹ ruột của anh NHN. Vào ngày 28/6/2016 bà T có mua của anh P chiếc xe máy hiệu EXCITER biển số 72G1 352-73 với giá 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu), để cho anh N. Anh N chỉ là người đứng tên trên giấy mua bán, còn người đứng ra giao dịch và trả tiền là bà T, tiền dùng để mua xe cũng là tiền của bà T. Phía anh P đã giao xe cho anh N, bà T cũng đã trả tiền cho anh P. Tuy nhiên, sau đó việc làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật không được. Vì vậy, bà T thoả thuận với anh P là anh N trả xe lại cho anh P, còn anh P trả lại cho anh N số tiền mua xe là 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu). Việc thoả thuận này hai bên có làm giấy tay với nhau. Tuy nhiên, sau đó anh P có trả cho bà T tiền vay cùng tiền bán xe tổng cộng là 6.400.000Đ (Sáu triệu bốn trăm ngàn). Trừ tiền vay của bà T thì tiền bán xe anh P chỉ trả cho bà T được 500.000Đ (Năm trăm ngàn), còn lại 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn) thì không trả.

Tại Toà án bà T yêu cầu anh P phải trả cho bà T 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên toà hôm nay bà T có ý kiến: Mặc dù là tiền của bà T, nhưng việc mua bán xe và trả lại xe là do anh N và anh P thoả thuận với nhau. Vì vậy, để hai bên giải quyết với nhau bà T không có ý kiến, yêu cầu gì.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài là vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: yêu cầu của anh N là có căn cứ đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát

viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật và hướng giải quyết yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh THP trả lại tiền mà anh N đã mua xe của anh P. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Anh P dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng yêu cầu anh P phải trả tiền cho anh N chứ không yêu cầu trả cho bà T nữa. Việc thay đổi yêu cầu của anh N không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không làm thay đổi bản chất vụ kiện nên HĐXX chấp nhận sự thay đổi yêu cầu này.

Xét yêu cầu của đương sự HĐXX thấy: Việc anh P không tham gia phiên toà dù đã được triệu tập hợp lệ. Anh P cũng không có ý kiến hay giao nộp chứng cứ, tài liệu gì cho Toà án, như vậy anh P đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Do đó, HĐXX căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Theo chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án thể hiện: Việc anh N mua xe máy của anh P với giá 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu), sau đó hai bên thoả thuận anh N trả lại xe cho anh P và anh P trả lại tiền mua xe cho anh N, nhưng chỉ mới trả được 500.000Đ (Năm trăm ngàn) còn thiếu lại 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn) là có thật. Việc này được thể hiện tại giấy bán xe và phần thoả thuận phía sau giấy bán xe đề ngày 25/11/2016 (Bút lục số: 21) và cũng được người làm chứng là bà V xác nhận (Bút lục số: 44). Như vậy, hợp đồng mua bán đã được hai bên thoả thuận huỷ bỏ. Anh N đã trả lại xe cho anh P, anh P có nghĩa vụ trả tiền anh N. Số tiền mua xe là 25.000.000Đ (Hai mươi lăm triệu), nhưng anh P chỉ mới trả được 500.000Đ (Năm trăm ngàn), còn 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn) thì chưa trả theo thoả thuận của các bên. Do anh P không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của mình, nên việc anh N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh P thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc anh P trả cho anh N 24.500.000Đ (Hai mươi triệu năm trăm ngàn).

Anh P có trình bày: Anh P có cầm giấy xe và đã đưa cho anh N 17.000.000Đ (Mười bảy triệu) (Bút lục số: 04), ngoài lời trình bày ra thì anh P không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh N, bà T không thừa nhận việc này. Vì vậy, không có căn cứ để HĐXX chấp nhận lời trình bày của anh P.

Mặc dù anh P vi phạm nghĩa vụ trả tiền và hai bên có thoả thuận tính lãi, nhưng tại phiên toà anh N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh P phải trả nên HĐXX không xem xét.

Bà T ban đầu yêu cầu anh P trả tiền cho bà T, nhưng tại phiên toà bà T không có ý kiến, yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 121; Điều 124; Điều 280, Điều 283 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu của anh NHN đối với anh THP.

[1] Buộc anh THP phải trả cho anh NHN 24.500.000Đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Anh THP phải nộp 1.225.000Đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) án phí DSST. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001560 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà, thời hạn trên tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn

Nơi nhận.
- *TAND tỉnh BR – VT.*
- *VKSND huyện XM.*
- *Chi cục THADS huyện XM.*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu.*